

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 04/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 11/4/2019.

V/v: *Không công nhận là vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Phú

Bà Nguyễn Thị Tin

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:
Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 41/2019/TLST- HNGĐ ngày 13/02/2019 về “ *Không công nhận là vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX ST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1976 (có mặt)
Cùng cư trú tại: thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12/02/2019 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là chị Hoàng Thị Th trình bày: Chị và anh Ch kết hôn năm 1997, trên cơ sở tự nguyện không có đăng ký kết hôn. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 1999, xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Ch uống rượu say xỉn về nhà chửi bới, đánh vợ. Mâu thuẫn trầm trọng nhất năm 2008, nguyên nhân là do anh Ch thường xuyên uống rượu, không có công ăn việc ổn định, không có trách nhiệm với gia đình. Nhiều lần chị khuyên bảo, anh Ch chửi bới, đánh đập và nói bỏ vợ không bỏ rượu. Anh Ch uống rượu quá nhiều, tinh thần nhiều khi không ổn định, đi lang thang trộm cắp tài sản, đã bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và bị Tòa án xét xử về tội trộm cắp tài sản. Nhiều lần anh Ch uống rượu cầm dao dọa chém chị. Chị không thể tiếp tục chung sống với người chồng như vậy, nên tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ

đó đến nay. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình dàn xếp, không có kết quả. Hiện anh Ch đang bị tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị và anh Ch là vợ chồng.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Văn Đ, sinh 19/5/1999, Nguyễn Mỹ L, sinh 11/5/2005, các con chung hiện đang ở với chị.

Nay ly hôn, cháu Đ đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu L chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu, chị không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác chị Th xác định không có nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Ch là bị đơn trình bày: Về thủ tục kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn anh đồng ý với trình bày của chị Th. Sự việc như vậy chị Th nhiều lần khuyên bảo, anh không sửa chữa. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2008 đến nay. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình dàn xếp, không có kết quả. Hiện anh đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang về hành vi trộm cắp tài sản.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Th đề nghị Tòa án không công nhận chị Th và anh là vợ chồng, anh đồng ý.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Văn Đ, sinh 19/5/1999, Nguyễn Mỹ L, sinh 11/5/2005, các con chung hiện đang ở với chị Th.

Nay ly hôn, cháu Đ đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu L anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi cháu L, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Hiện anh đang bị tạm giam, do đó anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Sau khi chấp hành án xong anh khởi kiện bằng vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

Tài sản riêng, số nợ ruộng canh tác, công sức đóng góp anh Ch xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 8 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS, áp dụng Điều 9,14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 xử:

- Quan hệ vợ chồng: không công nhận chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Văn Ch là vợ chồng.

- Con chung: Giao con chung tên Nguyễn Mỹ L, sinh 11/5/2005 cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng:** Chị Hoàng Thị Th là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] **Về nội dung:** Chị Th và anh Ch kết hôn năm 1997, trên cơ sở tự nguyện không có đăng ký kết hôn. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 1999 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Ch thường xuyên uống rượu, say xỉn, đánh vợ. Nhiều lần anh Ch uống rượu say, tinh thần không minh mẫn nên có hành vi trộm cắp tài sản, bị Tòa án xét đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, ngoài ra còn bị Tòa án xét xử. Sự việc như vậy nhiều lần chị Th khuyên bảo, anh Ch không sửa chữa. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ năm 2008 đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh Ch nghiện rượu, thường xuyên uống rượu và đi lang thang, không có công việc ổn định. Nhiều lần anh Ch có hành vi trộm cắp tài sản, bị Tòa án xét xử. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế nhiều năm nay. Chị Th và anh Ch không còn khả năng đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị Th, anh Ch mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân giữa chị Th và anh Ch không có đăng ký kết hôn. Nay chị Th, xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Ch là vợ chồng, anh Ch đồng ý. Áp dụng Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Th và anh Ch là vợ chồng.

[3] **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Văn Đ, sinh 19/5/1999, Nguyễn Mỹ L, sinh 11/5/2005, các con chung hiện đang ở với chị Th. Cháu Đ đã trưởng thành các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Mỹ L, Hội đồng xét xử thấy: Hiện anh Ch đang bị tạm giam, đã bị xét xử và chịu hình phạt về hành vi trộm cắp tài sản. Chị Th hiện ở nhà. Kết quả xác minh tại địa phương chị Th có khả năng nuôi con chung hơn. Nguyên vọng của cháu L xin ở với mẹ. Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1,2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Th. Chị Th không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Ch có quyền thăm nom con chung.

[4] Tài sản chung, số nợ: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tài

sản riêng, công sức đóng góp, ruộng canh tác các đương sự xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Th thuộc hộ cận nghèo, Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật, chị Th có đơn từ chối làm thủ tục đề nghị Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 8 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Văn Ch là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Mỹ L, sinh 11/5/2005, cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Ch có quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002713 ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị Th đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án./

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS; TP xã L;
- Lưu HS- VP.

-,

Bùi Thị Hương

